TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2024
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phan Văn Rô.

2- Bà Đoàn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 249/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 134/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mộng Đ, sinh ngày 01/01/1991 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mộng Đ trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mộng Đ và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/5/2008. Vợ chồng chung sống được khoảng 13 năm thì phát sinh ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, làm cho hạnh phúc không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Có 02 người con tên Phạm Tuấn H, sinh ngày 07/7/2008 và Phạm Yến L, sinh ngày 23/7/2012. Nay chị yêu cầu xin được nuôi hết các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng muôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày như sau: Anh thừa nhận về quan hệ hôn nhân và con chung, tài sản và nợ chung là đúng như chị Đ trình bày nêu trên. Về mâu thuẫn thì chưa đúng, vợ chồng vẫn sống sống bình thường, không có mâu thuẫn gì.

Theo yêu cầu của chị Đ thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Mộng Đ.

Về con chung: Nếu Toà xử cho ly hôn thì tuỳ các con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Mộng Đ vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi con con tên Phạm Tuấn H, sinh ngày 07/7/2008 và Phạm Yến L, sinh ngày 23/7/2012, không yêu cầu anh T cấp dưỡng muôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mộng Đ xử cho chị Trần Thị Mộng Đ và anh Phạm Văn T được ly hôn.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mộng Đ xử giao cháu Phạm Tuấn H, sinh ngày 07/7/2008 và Phạm Yến L, sinh ngày 23/7/2012 (theo nguyện vọng của cháu H và cháu L) cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng muôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Mộng Đ và anh Phạm Văn T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Phạm Văn T được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Văn T.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mộng Đ và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/5/2008 nên hôn nhân của chị Đ và anh T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi nhau, làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến nay, trong thời gian vợ chồng ly thân anh chị và gia định cũng không tự hoà giải với nhau được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mộng Đ xử cho chị Trần Thị Mộng Đ và anh Phạm Văn T ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Trần Thị Mộng Đ và anh Phạm Văn T có 02 người con Phạm Tuấn H, sinh ngày 07/7/2008 và Phạm Yến L, sinh ngày 23/7/2012, khi ly hôn chị Đ yêu cầu nuôi các con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị Đ là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, cuộc sống của các cháu hiện nay cũng ổn định, đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu H và cháu L và bản thân chị Đ cũng có điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, xử giao cháu Phạm Tuấn H và Phạm Yến L cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Mộng Đ và anh Phạm Văn T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Mộng Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Mộng Đ và anh Phạm Văn T ly hôn.

2.Về con chung: Xử giao cháu Phạm Tuấn H, sinh ngày 07/7/2008 và Phạm Yến L, sinh ngày 23/7/2012 (theo nguyện vọng của cháu H và cháu L) cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng muôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị Đ và anh T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Mộng Đ và anh Phạm Văn T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Mộng Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0003309 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Đ biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/8//2024). Đối với anh T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm